

- Hôn nhân: Chị và anh Võ Văn Kh tự nguyện chung sống vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Kh thường xuyên đi chơi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Sau khi mâu thuẫn gia đình hai bên tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

- Con chung: Chị và anh Kh có 01 người con chung tên Võ Hoàng N, sinh ngày 23/3/2014, hiện nay đang sống cùng anh Kh. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Tài sản chung: Chị xác Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị xác Đ vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn Kh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho anh Kh đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với anh Võ Văn Kh; Giao con chung tên Võ Hoàng N cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Bị đơn anh Võ Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Kh.

[2] Hôn nhân: Chị Lâm Kim Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Kh. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Đ và anh Kh chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Đ cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Kh không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng đã sống ly thân với nhau 2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị Đ kiên quyết yêu cầu ly hôn. Anh Kh không có ý kiến nên không xem xét. Xét thấy, chị Đ và anh Kh xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắn được, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc ly hôn với anh Kh là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị Đ và anh Kh có 01 người con chung tên Võ Hoàng N, sinh ngày 23/3/2014, hiện nay đang sống cùng anh Kh và ông, bà nội. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao con chung cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử

xét thấy, hiện nay cháu N đang sống ổn Đ cùng anh Kh và theo nguyện vọng của cháu N tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 09/9/2022 của cháu N có nguyện vọng sống với cha. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu N cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Đ, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị Đ xác định không có. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị Đ xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy Đ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Kim Đ về việc yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Kh.

Con chung: Giao Võ Hoàng N, sinh ngày 23/3/2014, hiện nay đang sống cùng anh Kh cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con mà không ai được cản trở.

Buộc chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Hoàng N 2.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Võ Hoàng N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Võ Văn Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lâm Kim Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lâm Kim Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng. Ngày 10/5/2022, chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, theo biên lai thu số 0001308, được đối trừ, chị Đ tiếp tục nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Tạ An Khương
Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh
Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân